

**BỘ TÀI CHÍNH**  
**TRƯỜNG ĐH TÀI CHÍNH – MARKETING**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1254/QĐ- ĐHTCM ngày 12 tháng 9 năm 2017 của  
Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing)*

- TÊN CHƯƠNG TRÌNH: **QUẢN LÝ KINH TẾ**
- TÊN TIẾNG ANH: ECONOMIC MANAGEMENT
- TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **ĐẠI HỌC**
- NGÀNH ĐÀO TẠO: **QUẢN TRỊ KINH DOANH**
- MÃ SỐ: **52340101**
- LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUI – HỌC CHẾ TÍN CHỈ**

**1. Căn cứ xây dựng chương trình**

**1.1. Căn cứ pháp lý**

- Quyết định 1981/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân;
- Quyết định 1982//QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;
- Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/04/2015 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và đào tạo “Ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ”;
- Thông tư 08/2011/TT-BGDĐT ngày 17/02/2011 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và đào tạo quy định điều kiện, hồ sơ, quy trình mở ngành đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng;
- Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/05/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;
- Thông tư số 25/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chương trình môn học Giáo dục thể chất thuộc các chương trình đào tạo trình độ đại học;

– Quyết định số 378/QĐ - TTg ngày 23/03/2015 Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động đối với Trường Đại học Tài chính – Marketing giai đoạn 2015 – 2017;

– Quyết định số 781/QĐ-ĐHTCM ngày 06/06/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing về “Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại trường Đại học Tài chính – Marketing”.

## **1.2. Căn cứ thực tiễn**

Chương trình đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh chuyên ngành Quản lý kinh tế được xây dựng dựa trên những căn cứ thực tiễn sau:

- Thực tiễn đào tạo chuyên ngành Quản lý kinh tế từ năm 2013 tại trường ĐH Tài chính - Marketing;
- Chương trình đào tạo cử nhân QTKD chuyên ngành Quản lý kinh tế khoá 2015-2019 của trường ĐH Tài chính – Marketing;
- Chương trình căn cứ vào xu thế đào tạo hiện nay của các trường đại học ở Mỹ, Anh và Singapore..
- Chương trình Quản lý kinh tế được xây dựng căn cứ vào xu thế hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước và của các nước trên thế giới;
- Tham khảo ý kiến đóng góp từ các cơ quan trung ương và địa phương, các đơn vị hành chính sự nghiệp, các doanh nghiệp, các chương trình dự án trong và ngoài nước và cựu sinh viên trong quá trình xây dựng chương trình đào tạo.

## **2. Mục tiêu đào tạo**

**2.1. Mục tiêu chung:** Đào tạo cử nhân Quản lý Kinh tế có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; có nền tảng kiến thức vững chắc về quản lý kinh tế, có kỹ năng tốt trong việc quản lý, điều hành chính sách kinh tế - xã hội, có khả năng phân tích tốt tác động, hiệu quả của các chính sách, có khả năng vận dụng sáng tạo các kiến thức về quản lý kinh tế vào những tình huống thực tế khác nhau để làm việc ở các địa phương, các cơ quan trung ương và địa phương, các đơn vị hành chính sự nghiệp, các doanh nghiệp, các chương trình dự án trong và ngoài nước. Chương trình hướng đến việc đào tạo những cử nhân kinh tế có kiến thức kinh tế tổng quát, cho sinh viên một khả năng linh hoạt, có thể làm việc ở hầu hết mọi ngành, mọi lĩnh vực trong nền kinh tế, đồng thời, cho người học khả năng học tập và nghiên cứu lên những bậc học cao hơn, học tập suốt đời.

**Triết lý đào tạo:** đào tạo những cử nhân kinh tế có tư duy chiến lược, có năng lực quản lý, có đủ tố chất để sau này trở thành những người có năng lực lãnh đạo trong các cơ quan hành chính, các tổ chức kinh tế.

## 2.2. Mục tiêu cụ thể

### 2.2.1. Mục tiêu về kiến thức

Chương trình đào tạo này hướng đến mục tiêu cung cấp các khối kiến thức sau cho sinh viên:

STT	Kiến thức	Mức độ tiếp nhận của người học (Theo thang đo Bloom cải tiến)
1.	Kiến thức khoa học xã hội căn bản	3
2.	Kiến thức về toán – tin học – khoa học tự nhiên	3
3.	Kiến thức cơ sở về kinh tế học	4
4.	Kiến thức về tâm lý, hành vi, giao tiếp, đàm phán	4
5.	Kiến thức về quản trị, điều hành tổ chức kinh tế	4
6.	Kiến thức về kế toán, tài chính, tiền tệ và tín dụng	3
7.	Kiến thức về thị trường, marketing, kinh doanh	4
8.	Kiến thức chuyên ngành về quản lý kinh tế	4

*Ghi chú: Thang đo Bloom cải tiến có 6 cấp độ: 1- Nhớ; 2- Hiểu; 3- Vận dụng; 4- Phân tích; 5- Đánh giá; và 6- Sáng tạo.*

### 2.2.2. Mục tiêu về kỹ năng chuyên môn

Chương trình đào tạo những cử nhân Quản trị Kinh doanh chuyên ngành Quản lý kinh tế có các kỹ năng chuyên môn như sau:

STT	Kỹ năng	Mức độ tiếp nhận của người học (Theo thang đo Bloom)
1.	Kỹ năng thu thập thông tin, phân tích, dự báo phục vụ cho công tác ra quyết định trong quản lý kinh tế.	5
2.	Kỹ năng phân tích, hoạch định, tổ chức thực thi, giám sát và đánh giá chính sách kinh tế.	5
3.	Kỹ năng quản lý theo quá trình quản lý: lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát.	5
4.	Kỹ năng phân tích quyết định và sử dụng các công cụ hỗ trợ hiện đại cho các nhà quản lý.	5
5.	Kỹ năng ra quyết định, lập và quản lý chiến lược ở cấp địa phương trong nước và quốc tế.	4
6.	Kỹ năng phân tích chính sách, dự báo kinh tế, giải	4

	quyết các xung đột phát sinh trong quản lý kinh tế.	
7.	Kỹ năng quản lý sự thay đổi và đổi mới, quản lý rủi ro.	5
8.	Kỹ năng tổ chức công việc, tổ chức bộ máy, và tổ chức nhân sự để thực hiện nhiệm vụ của các tổ chức.	5
9.	Kỹ năng lãnh đạo, điều hành tổ chức, cá nhân thực hiện các công việc theo nhiệm vụ hoặc theo kế hoạch đã định.	5
10.	Kỹ năng kiểm soát các hoạt động của tổ chức theo mục tiêu, nhiệm vụ và kế hoạch.	5
11.	Có kỹ năng soạn lập các văn bản hành chính.	4
12.	Kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp, thuyết trình, đàm phán.	4
13.	Các kỹ năng mềm	5

### **2.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

- 1) Có phẩm chất đạo đức, có tính kỷ luật,
- 2) Có tinh thần phấn đấu vươn lên,
- 3) Có khả năng tự định hướng, tự điều chỉnh để thích nghi với các môi trường sống và làm việc khác nhau,
- 4) Có ý thức tự giác học tập, nghiên cứu, tích lũy kinh nghiệm,
- 5) Tích cực tham gia các hoạt động phong trào,
- 6) Có ý thức tham gia các hoạt động cộng đồng và chia sẻ với cộng đồng,
- 7) Có đạo đức nghề nghiệp

### **2.3.4. Các vị trí công việc có thể đảm nhiệm khi tốt nghiệp**

- Là những chuyên gia phân tích chính sách, chuyên gia tư vấn, hoạch định chính sách kinh tế - xã hội trong các cơ quan công quyền.

- Trở thành những nhà tư vấn về dự báo kinh tế cho các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế khác.

- Làm việc tại các vị trí là chuyên viên tác nghiệp trong các cơ quan quản lý nhà nước, các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế, các tổ chức xã hội, những nhà kinh tế làm việc trong các dự án cộng đồng trong các tổ chức trong nước và quốc tế.

- Trở thành những chuyên gia nghiên cứu, làm việc trong các viện nghiên cứu, các trường đại học.

### **2.2.5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp**

Cử nhân Quản trị kinh doanh chuyên ngành Quản lý kinh tế có thể tiếp tục học sau đại học ở các chuyên ngành Quản lý kinh tế hoặc những chuyên ngành gần khác ở các trường đại học trong và ngoài nước.

### **2.2.6. Chuẩn đầu ra**

Chương trình đào tạo những cử nhân Quản trị Kinh doanh chuyên ngành Quản lý kinh tế có các khả năng ngoại ngữ và tin học như sau:

1) Kiến thức và kỹ năng ngoại ngữ đủ để phục vụ hoạt động quan hệ đối ngoại của doanh nghiệp. Sinh viên tốt nghiệp ra trường có chứng chỉ TOEIC quốc tế 405 điểm trở lên hoặc tương đương.

2) Sử dụng được một số phần mềm tin học ứng dụng trong quản trị kinh doanh. Có chứng chỉ tin học văn phòng chuẩn quốc tế MOS (Microsoft Office Specialist) cấp độ Specialist (Microsoft Word, Microsoft Excel).

3) Kỹ năng mềm: 4/8 kỹ năng

*2 kỹ năng thuộc 4 kỹ năng cần cho sinh viên trong việc học đại học:*

- Kỹ năng thuyết trình;
- Kỹ năng làm việc nhóm;
- Kỹ năng quản lý thời gian;
- Kỹ năng tư duy sáng tạo

*2 kỹ năng thuộc 4 kỹ năng cần cho sinh viên trong việc tìm và làm việc:*

- Kỹ năng giao tiếp;
- Kỹ năng giải quyết vấn đề;
- Kỹ năng tìm việc;
- Kỹ năng khám phá bản thân và lập kế hoạch nghề nghiệp

## **3. THỜI GIAN ĐÀO TẠO**

Thời gian đào tạo được thực hiện theo Điều 6 của “Quy định tổ chức đào tạo Đại học, Cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại trường Đại học Tài chính – Marketing” được ban hành theo quyết định số 1194/QĐ/ĐHTCM-QLĐT của Hiệu trưởng trường ĐH Tài chính - Marketing ngày 19 tháng 07 năm 2012.

#### **4. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHOÁ**

Khối lượng kiến thức toàn khoá tính bằng tín chỉ (TC): bao gồm **128 TC** (không kể học phần Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất); trong toàn khoá có 1 báo cáo thực hành nghề nghiệp và 1 khóa luận tốt nghiệp.

#### **5. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH**

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

#### **6. QUI TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP**

##### **6.1. Qui trình đào tạo**

Thực hiện quy trình đào tạo theo Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT) và Quy định tổ chức đào tạo Đại học, Cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại trường Đại học Tài chính - Marketing (Ban hành theo quyết định số 1194/QĐ/ĐHTCM-QLĐT của Hiệu trưởng trường ĐH Tài chính – Marketing).

##### **6.2. Điều kiện tốt nghiệp**

###### **6.2.1. Thực tập cuối khóa, làm đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp:**

Thực hiện theo điều 27 chương V quy định tổ chức đào tạo Đại học, Cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại trường Đại học Tài chính - Marketing (Ban hành theo quyết định số 1194/QĐ/ĐHTCM-QLĐT của Hiệu trưởng trường ĐH Tài chính – Marketing ngày 19 tháng 07 năm 2012).

###### **6.2.2. Điều kiện để sinh viên được xét công nhận tốt nghiệp:**

- Sinh viên đáp ứng yêu cầu điều 29 chương V quy định tổ chức đào tạo Đại học, Cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại trường Đại học Tài chính – Marketing (Ban hành theo quyết định số 1194/QĐ/ĐHTCM-QLĐT của Hiệu trưởng trường ĐH Tài chính – Marketing ngày 19 tháng 07 năm 2012).

- Sinh viên tích lũy đủ số tín chỉ của Chương trình.

- Đáp ứng chuẩn đầu ra theo quy định.

#### **7. THANG ĐIỂM**

Thang điểm đánh giá kết quả học tập các học phần của sinh viên được quy định theo Quy định tổ chức đào tạo Đại học, Cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại trường Đại học Tài chính - Marketing (Ban hành theo quyết định số 1194/QĐ/ĐHTCM-QLĐT của Hiệu trưởng trường ĐH Tài chính - Marketing).

## 8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

**8.1. Kiến thức giáo dục đại cương: 33 tín chỉ (không kể giáo dục thể chất và quốc phòng)**

### 8.1.1. Lý luận chính trị: (Số tín chỉ: 10)

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
1	010633	Những nguyên lý CB của CN Mác-Lênin – Phần 1 (The basic principles of Maxism-Leninism – P1)	2	45		1tc lý thuyết = 15 tiết
2	010634	Những nguyên lý CB của CN Mác-Lênin – Phần 2 (The basic principles of Maxism-Leninism – P2)	3	30		
3	010016	Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh's Ideology)	2	30		
4	010017	Đường lối cách mạng của ĐCSVN (Revolution Policy of Vietnam Communist Party)	3	45		
		<b>Tổng</b>	<b>10</b>	<b>150</b>		

### 8.1.2. Khoa học xã hội: (Số tín chỉ: 3)

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
5	010637	Pháp luật Đại cương (Basic Laws)	3	45		
		<b>Tổng</b>	<b>3</b>	<b>45</b>		

### 8.1.3. Ngoại ngữ: (Số tín chỉ: 12)

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
6	010640	Anh văn căn bản 1 (General English 1)	3	30	30	
7	010022	Anh văn căn bản 2 (General English 2)	3	30	30	
8	010023	Anh văn căn bản 3 (General English 3)	3	30	30	
9	010024	Anh văn căn bản 4 (General English 4)	3	30	30	
		<b>Tổng</b>	<b>12</b>	<b>120</b>	<b>120</b>	

### 8.1.4. Toán – Tin học – Khoa học tự nhiên (Số tín chỉ: 10)

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
10	010025	Toán cao cấp (Calculus)	4	60		
11	010638	Tin học đại cương (Basic Informatics)	4	45	45	
		<b>Tổng</b>	<b>8</b>	<b>105</b>	<b>45</b>	

#### 8.1.5. Giáo dục thể chất: (Số tín chỉ: 4)

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
12		Giáo dục thể chất (Physical Education)	4			
		<b>Tổng</b>	<b>4</b>			

#### 8.1.6. Giáo dục quốc phòng: (Số tín chỉ: 8)

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
13		Giáo dục quốc phòng (Military Education)	8			
		<b>Tổng</b>	<b>8</b>			

#### 8.17. Kỹ năng mềm (Chọn 4 trong 8 kỹ năng)

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
<i>2 kỹ năng thuộc 4 kỹ năng cần cho sinh viên trong việc học đại học</i>						
14	010782	- Kỹ năng thuyết trình (Presentation skills)	1			<i>Chọn 2 trong 4 kỹ năng</i>
15	010783	- Kỹ năng làm việc nhóm (Teamwork skills)	1			
16	010815	- Kỹ năng quản lý thời gian (Time management skills)	1			
17	010845	- Kỹ năng tư duy sáng tạo (Creative thinking skills)	1			
<i>2 kỹ năng thuộc 4 kỹ năng cần cho sinh viên trong việc tìm và làm việc</i>						
19	010852	- Kỹ năng giao tiếp (Communication skills)	1			



20	010909	- Kỹ năng giải quyết vấn đề (Problem solving skills)	1			Chọn 2 trong 4 kỹ năng
21	010910	- Kỹ năng tìm việc (Job seeking skills)	1			
22	010911	- Kỹ năng khám phá bản thân và lập kế hoạch nghề nghiệp (Self-discovery and career planning skills)	1			

## 8.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 98 tín chỉ

### 8.2.1. Kiến thức cơ khối ngành (số tín chỉ: 6)

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
23	010031	Kinh tế vi mô 1 (Microeconomics 1)	3	45		
24	010032	Kinh tế vĩ mô 1 (Macroeconomics 1)	3	45		
		<b>Tổng</b>	<b>6</b>	<b>90</b>		

### 8.2.2. Kiến thức cơ sở ngành (Số tín chỉ: 29 tín chỉ)

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
25	010682	Giao tiếp trong kinh doanh (Communication in Business)	3	45		
26	010786	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh (Business Research Methods)	3	45		
27	010033	Quản trị học (Management)	3	45		
28	010630	Nguyên lý Marketing (Principles of Marketing)	3	45		
29	010038	Nguyên lý kế toán (Principles of Accounting)	3	45		
30	010857	Thống kê ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh (Statistics Applications in Economic and Business)	3	45		
31	010873	Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 1 (Currency – Bank & Finance market 1)	3	45		

32	010684	Hành vi tổ chức ( <i>Organizational Behavior</i> )	3	45		Chọn 1 trong 3
	010846	Tâm lý ứng dụng trong kinh doanh ( <i>Applied Psychology in Business</i> )				
	010683	Hành vi người tiêu dùng ( <i>consumer Behavior</i> )				
33	010675	Đạo đức kinh doanh ( <i>business Ethics</i> )	3	45		Chọn 1 trong 3
	010026	Lý thuyết xác suất và thống kê toán ( <i>Theories of Probability and Statistics</i> )				
	010036	Luật kinh tế ( <i>economic Law</i> )				
34		Thực hành nghề nghiệp ( <i>Practicum</i> )	2	0	60	
		<b>Tổng</b>	<b>29</b>	<b>405</b>	60	

### 8.2.3. Kiến thức chung của ngành (Số tín chỉ: 24)

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
35		Quản trị nguồn nhân lực ( <i>Human Resource Management</i> )	3	45		
36	010794	Quản lý tài chính cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp ( <i>Financial Management for administrative offices and Business units</i> )	3	45		
37	010941	Kinh tế vi mô ứng dụng trong QLKT ( <i>Microeconomic Applications in Management</i> )	3	45		
38	010937	Kinh tế vĩ mô ứng dụng trong QLKT ( <i>Macroeconomic Applications in Management</i> )	3	45		
39	010872	Kinh tế phát triển ( <i>Development Economics</i> )	3	45		
40	010930	Kinh tế công ( <i>Public Economics</i> )	3	45		Chọn 1 trong 2
	010570	Kinh tế quốc tế ( <i>International Economics</i> )				
41		Thuế 1 ( <i>Taxation 1</i> )	3	30	30	Chọn 1 trong 2

		<i>Kế toán hành chính sự nghiệp</i> (Administrative Accounting)				
42	010931	Quản lý nhà nước về kinh tế (State management of Economic)	3	45		
		<b>Tổng</b>	<b>24</b>	<b>345</b>	<b>30</b>	

#### 8.2.4. Kiến thức chuyên ngành (Số tín chỉ: 22)

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
43		<i>Chính sách công</i> (Public Policy)	3	45		Chọn 1 trong 2
	010932	<i>Đàm phán trong quản lý kinh tế</i> (Negotiation in management)				
44		Phân tích và Dự báo kinh tế (Economic Analysis and forecast)	3	30	30	
45	010474	Kinh tế môi trường và quản lý tài nguyên (Environmental Economics and Resources Management)	2	30		
46	010523	<i>Tài chính công 1</i> (Public Finance 1)	3	45		Chọn 1 trong 2
	010068	<i>Tài chính quốc tế</i> (International Finance)				
47		Marketing địa phương (Marketing Places)	3	45		
48	010477	Quản lý chiến lược địa phương (Local Strategic Management)	3	45		
49	010480	Thẩm định và quản lý dự án công (Public Projects Evaluation and Management)	3	30	30	
50	010481	<i>Quản lý đô thị</i> (Urban Economics)	2	30		Chọn 1 trong 2
	010482	<i>Quản lý tài sản công</i> (Public Assets Management)				
		<b>Tổng</b>	<b>22</b>	<b>300</b>	<b>60</b>	

#### 8.2.5. Kiến thức bổ trợ ngành (Số tín chỉ: 9)

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
-----	-------	--------------	----	----	----	---------

51		<i>Quản lý hành chính văn phòng (Administrative Office Management)</i>	3	45		Chọn 1 trong 2
	010935	<i>Soạn thảo văn bản hành chính (Administrative Drafting)</i>				
52	010934	<i>Thương mại và công nghiệp hóa (Trade and industrialization)</i>	3	45		Chọn 1 trong 2
		<i>Kinh doanh quốc tế (International Management )</i>				
53	010212	<i>Đầu tư tài chính (Financial Investment)</i>	3	45		Chọn 1 trong 2
	010779	<i>Phân tích tài chính (Financial Analysis)</i>				
		<b>Tổng</b>	<b>9</b>	<b>135</b>		

**8.2.6. Thực tập cuối khóa và viết chuyên đề tốt nghiệp hoặc thực tập cuối khóa và học các môn học thay thế (Số tín chỉ: 8)**

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
54		Khóa luận tốt nghiệp (Thesis)	8			
		<b>Tổng</b>	<b>8</b>			

**GHI CHÚ:** Những sinh viên không đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp sẽ phải thực tập tốt nghiệp (3 tín chỉ) và bổ sung thêm 2 môn (5 tín chỉ).

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
55		Thực tập cuối khóa (Internship)	3			
56		Kinh tế khu vực công (Public Sector Economics)	2			Chọn 5 tín chỉ
57	010312	Phân tích lợi ích chi phí (Cost Benefit Analysis)	2			
58	010933	Quản lý tổ chức kinh tế (Orgnization Management)	3			
59		Quản lý tài chính công (Public Finance Management)	3			
		<b>Tổng</b>	<b>8</b>			

## 9. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

### Học kỳ 1

STT	HỌC PHẦN	TC	Ghi chú
1	Những NLCB của CN Mác Lênin 1	2	Bắt buộc
2	Toán cao cấp	4	Bắt buộc
3	Tin học đại cương	4	Bắt buộc
4	Anh văn căn 1	3	Bắt buộc
5	Kinh tế vi mô 1	3	Bắt buộc
6	Giáo dục thể chất		Bắt buộc
7	Giáo dục quốc phòng		Bắt buộc
	<b>TỔNG</b>	<b>16</b>	

### Học kỳ 2

STT	HỌC PHẦN	TC	Ghi chú
1	Những NLCB của CN Mác Lênin 2	3	Bắt buộc
2	Nguyên lý marketing	3	Bắt buộc
3	Quản trị học	3	Bắt buộc
4	Pháp luật đại cương	3	Bắt buộc
5	Anh văn căn bản 2	3	Bắt buộc
6	Kinh tế vĩ mô 1	3	Bắt buộc
	<b>TỔNG</b>	<b>18</b>	

### Học kỳ 3

STT	HỌC PHẦN	TC	Ghi chú
1	Hành vi tổ chức	3	Tự chọn
	Tâm lý ứng dụng trong kinh doanh		
	Hành vi người tiêu dùng		
2	Thống kê ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh	3	Bắt buộc
3	Nguyên lý kế toán	3	Bắt buộc
4	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3	Bắt buộc
5	Anh văn căn bản 3	3	Bắt buộc
6	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
	<b>TỔNG</b>	<b>17</b>	

### Học kỳ 4

STT	HỌC PHẦN	TC	Ghi chú
1	Tiền tệ ngân hàng và thị trường tài chính 1	3	Bắt buộc
2	Giao tiếp trong kinh doanh	3	Bắt buộc
3	Đạo đức kinh doanh	3	Tự chọn
	Lý thuyết xác suất và thống kê toán		

	Luật kinh tế		
4	Kinh tế vi mô ứng dụng trong QLKT	3	Bắt buộc
5	Anh văn căn bản 4	3	Bắt buộc
6	Kinh tế phát triển	3	Bắt buộc
	<b>TỔNG</b>	<b>18</b>	

#### Học kỳ 5

STT	HỌC PHẦN	TC	Ghi chú
1	Kinh tế vi mô ứng dụng trong QLKT	3	Bắt buộc
2	Thương mại và công nghiệp hóa	3	Tự chọn
	Kinh doanh quốc tế		
3	Chính sách công	3	Tự chọn
	Đàm phán trong quản lý kinh tế		
4	Kinh tế công	3	Tự chọn
	Kinh tế quốc tế		
5	Kinh tế môi trường và quản lý tài nguyên	2	Bắt buộc
6	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	3	Bắt buộc
7	Thực hành nghề nghiệp	2	Bắt buộc
	<b>TỔNG</b>	<b>19</b>	

#### Học kỳ 6

STT	HỌC PHẦN	TC	Ghi chú
1	Quản lý tài chính cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp	3	Bắt buộc
2	Quản trị nguồn nhân lực	3	Bắt buộc
3	Quản lý chiến lược địa phương	3	Bắt buộc
5	Tài chính công 1	3	Tự chọn
	Tài chính quốc tế		
6	Quản lý hành chính văn phòng	3	Tự chọn
	Soạn thảo văn bản hành chính		
7	Marketing đại phương	3	Bắt buộc
	<b>TỔNG</b>	<b>18</b>	

#### Học kỳ 7

STT	HỌC PHẦN	TC	Ghi chú
1	Đầu tư tài chính	3	Tự chọn
	Phân tích tài chính		
2	Quản lý nhà nước về kinh tế	3	Bắt buộc
3	Quản lý đô thị	2	Tự chọn
	Quản lý tài sản công		
4	Thuế	3	Tự chọn

	Kế toán hành chính sự nghiệp		
5	Thẩm định và quản lý dự án công	3	Bắt buộc
6	Phân tích và dự báo kinh tế	3	Bắt buộc
	<b>TỔNG</b>	<b>17</b>	

### Học kỳ 8

STT	HỌC PHẦN	TC	Ghi chú
1	Thực tập cuối khóa và viết khóa luận tốt nghiệp	8	
	<b>TỔNG</b>	<b>8</b>	

**GHI CHÚ:** Những sinh viên không đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp sẽ phải thực tập tốt nghiệp (3 tín chỉ) và bổ sung thêm 2 môn (5 tín chỉ).

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
1		Thực tập tốt nghiệp (Internship and Thesis)	3			
2		Kinh tế khu vực công (Public Sector Economics)	2			Chọn 5 tín chỉ
3		Phân tích lợi ích chi phí (Cost Benefit Analysis)	2			
4		Quản lý tổ chức kinh tế (Organization management)	3			
5		Quản lý tài chính công (Public Finance Management)	3			
		<b>Tổng</b>	<b>8</b>			

## 10. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

### 10.1. Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo

Sau khi kế hoạch đào tạo đã được phê duyệt, Khoa sẽ phối hợp với Phòng Quản lý Đào Tạo, Phòng Khảo thí, Phòng Quản lý Chất lượng và các Phòng – Ban khác tổ chức, triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo theo kế hoạch từng năm và học kỳ. Hàng năm, Khoa sẽ xem xét hoàn chỉnh đề cương các học phần thuộc khoa quản lý trong các chuyên ngành của khoa, xây dựng các kế hoạch thực hành cho từng chuyên ngành và kế hoạch thực tập tốt nghiệp.

Khoa chịu trách nhiệm phân công giảng viên giảng, theo dõi nội dung giảng dạy phù hợp với yêu cầu đề cương học phần. Tổ chức đánh giá kết quả rèn luyện theo đúng quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trong quá trình tổ chức thực hiện sẽ đề xuất những yêu cầu cần thiết về cơ sở vật chất và các phương tiện giảng dạy phục vụ cho quá trình đào tạo hoặc đề xuất những thay đổi về phương pháp giảng dạy thích nghi với tình hình thực tế.

### **10.2. Phương pháp đào tạo**

– Kết hợp quá trình giảng dạy, hướng dẫn của giảng viên và tự đào tạo của sinh viên, đề cao và khuyến khích tính học tập và nghiên cứu của sinh viên. Áp dụng các phương pháp giảng dạy như: nêu vấn đề, bài tập tình huống, đề tài nhóm,... Chú trọng đến thực hành các môn học chuyên ngành.

– Giảng viên phụ trách môn học xây dựng kế hoạch giảng dạy và có kế hoạch, phổ biến đến sinh viên để có hướng chuẩn bị học tích cực.

– Áp dụng các hình thức thực hành đa dạng cho các môn học thuộc khoa quản lý như:

1. Thảo luận: Giảng viên giảng dạy các nội dung cơ bản và mở rộng vấn đề, hướng dẫn tài liệu tham khảo, bài đọc thêm, đề nghị sinh viên đọc và tham gia thảo luận trên lớp hoặc bài viết.

2. Mời các Tổ chức báo cáo thực tế viết bài thu hoạch về Tổ chức.

3. Tổ chức thực hành theo nhóm nhỏ: thảo luận tình huống, khảo sát viết đề tài nhỏ,...

– Đánh giá kết quả học tập: Đánh giá kết quả học tập sẽ theo yêu cầu từng môn học theo kế hoạch Khoa đã duyệt, phù hợp với qui chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các văn bản của Trường.

## **11. TÓM TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH**

### **11.1. Những NLCB của CN Mác - Lênin (phần 1): 2 TC**

- Vai trò, vị trí học phần, các kiến thức sẽ trang bị cho sinh viên:
- Nội dung thực hiện theo công văn số 2488/BGDĐT-ĐH&SDH, ngày 25/3/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Học phần mở đầu bằng việc trình bày khái lược các nội dung trọng tâm và quá trình hình thành, phát triển của chủ nghĩa Mác-Lênin nhằm đưa đến ra cái nhìn tổng quát về đối tượng và phạm vi của môn học. Bên cạnh đó học phần còn trang bị cho người học thế giới quan và phương pháp luận triết học, bộ phận lý luận nền tảng của chủ nghĩa Mác-Lênin; Nắm vững những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận triết học của chủ nghĩa Mác-Lênin vừa là điều kiện tiên quyết để nghiên cứu toàn bộ hệ thống lý luận của chủ nghĩa



Mác-Lênin, vừa là điều kiện cơ bản để vận dụng nó một cách sáng tạo trong hoạt động nhận thức và thực tiễn để giải quyết những vấn đề mà đời sống xã hội của đất nước, của thời đại đang đặt ra.

- Yêu cầu của học phần: Bắt buộc
- Các học phần tiên quyết: không

**11.2. Những NLCB của CN Mác - Lênin (phần 2): 3 TC**

- Vai trò, vị trí học phần, các kiến thức sẽ trang bị cho sinh viên:
- Nội dung thực hiện theo công văn số 2488/BGDĐT-ĐH&SDH, ngày 25/3/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Bao gồm 6 chương trình bày ba nội dung trọng tâm thuộc học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác-Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa; những nội dung cơ bản thuộc lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về chủ nghĩa xã hội; khái quát chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng.
- Yêu cầu của học phần: Bắt buộc
- Các học phần tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1

**11.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh: 2TC**

- Áp dụng cho ngành/chuyên ngành đào tạo: Tất cả các chuyên ngành; Bậc đào tạo: Đại học. Hình thức đào tạo chính quy, vừa học vừa làm
- Yêu cầu của học phần: Bắt buộc
- Các học phần tiên quyết: Đã học xong môn những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin
- Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 7 chương: Chương 1, trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh, cụ thể là: Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước của dân, do dân, vì dân; tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế, tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hoá, đạo đức, nhân văn.

**11.4. Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam: 3TC**

- Vai trò, vị trí học phần, các kiến thức sẽ trang bị cho sinh viên:

- Là một trong 03 môn lý luận chính trị dành cho sinh viên Đại học, Cao đẳng khối không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.
- Cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản của Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, trong đó chủ yếu tập trung vào đường lối của Đảng thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội. Qua đó xây dựng cho sinh viên niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, vào mục tiêu, lý tưởng của Đảng.
- Yêu cầu của học phần: Bắt buộc
- Các học phần tiên quyết: Đã học xong môn những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin và môn tư tưởng Hồ Chí Minh.

### **11.5. Pháp luật đại cương:**

**3TC**

- Vai trò, vị trí học phần, các kiến thức sẽ trang bị cho sinh viên: Học phần Pháp luật đại cương trang bị cho sinh viên những kiến thức cần thiết về Bộ máy nhà nước và Pháp luật Việt Nam, giúp sinh viên nhận diện được bức tranh tổng thể về những vấn đề liên quan đến cơ chế điều chỉnh của Pháp luật và tóm lược các lĩnh vực đời sống mà Pháp luật điều chỉnh. Qua đó, giúp sinh viên tự hoàn thiện bản thân, nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật trong đời sống sinh hoạt hằng ngày và trong quá trình công tác sau khi tốt nghiệp.
- Yêu cầu của học phần: Bắt buộc
- Các học phần tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin

### **11.6. Anh văn căn bản 1**

- Số tín chỉ: 3

### **11.7. Anh văn căn bản 2**

- Số tín chỉ: 3

### **11.8. Anh văn căn bản 3**

- Số tín chỉ: 3

### **11.9. Anh văn căn bản 4**

- Số tín chỉ: 3

### **11.10. Toán cao cấp :**

**4TC**

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Mô tả môn học: Học phần cung cấp kiến thức đại cương về tập hợp, quan hệ và logic suy luận, cũng như các kiến thức cơ bản về Đại số tuyến tính và Giải tích toán học thực sự cần thiết cho việc tiếp cận với các mô hình phân tích quá trình ra quyết định trong kinh tế và quản lý: Không gian véctơ; Ma trận và định thức; Hệ phương trình tuyến tính; Hàm số và giới hạn; Phép tính vi phân đối với hàm số một biến; Hàm nhiều biến; Các bài toán cực trị; phép tính tích phân; Phương trình vi phân.

#### **11.11. Tin học đại cương:**

**4TC**

- Điều kiện tiên quyết: Không
- Mục tiêu đào tạo học phần: Cung cấp kiến thức cơ bản về tin học xét trên quan điểm của người ứng dụng. Học phần đề cập đến các khối kiến thức: Hệ điều hành Windows và các tiện ích của hệ điều hành; Soạn thảo văn bản với MS. Word; Xử lý bảng tính với MS. Excel; Trình diễn với PowerPoint; Internet và MS. Office Outlook (phiên bản từ 2010 trở về sau); Phần mềm tiện ích và bảo mật. Học phần giúp sinh viên nâng cao kỹ năng soạn thảo văn bản, xử lý dữ liệu với bảng tính, soạn bài thuyết trình, quản lý hộp mail thông qua MS. Office Outlook, tìm kiếm tài liệu trên Internet, sử dụng các phần mềm tiện ích và bảo mật phục vụ học tập và làm việc sau khi sinh viên tốt nghiệp

#### **– Tài liệu tham khảo:**

- Trần Minh Tùng, Trương Đình Hải Thụy, Đinh Xuân Thọ, Nguyễn Thanh Trường, Nguyễn Thị Trần Lộc, Trần Trọng Hiếu, Trần Thanh San, Lâm Hoàng Trúc Mai, Trương Xuân Hương, Phạm Thủy Tú, *Giáo trình Tin học đại cương – tái bản lần 3*, Nhà xuất bản Giao thông vận tải, 2015.
- Joan Preppernau and Joyce Cox, *Windows 7 Step by Step*, Microsoft Press, 2010
- Moffat Stephen, *Excel 2010 Introduction Part I*, Stephen Moffat & Ventus Publishing ApS, 2011. ISBN 978-87-7681-804-3.
- Maffat Stephen, *World 2010 Advanced*, The Mouse Training Company, 2010.
- Microsoft Vietnam, *Giáo trình hướng dẫn sử dụng Microsoft Power Point 2010*.

#### **11.12. Kinh tế vi mô I**

**3 TC**

**Học phần học trước:** Không

**Tóm tắt nội dung học phần:**Giới thiệu kiến thức cơ bản và cơ sở về hoạt động của nền kinh tế thị trường thông qua việc phân tích các quy luật kinh tế cơ bản như quy luật cung cầu, quy luật của cung, quy luật của cầu. Học phần còn đề cập đến hành vi của các cá nhân trong nền kinh tế: người tiêu dùng và người sản xuất. Học phần cũng sẽ giới thiệu cách ra quyết định phối hợp các nguồn lực đầu vào hay quyết định sản

lượng của nhà sản xuất trong từng cấu trúc thị trường. Qua đó, sinh viên sẽ được trang bị công cụ phân tích để hiểu và có thể áp dụng khi học các học phần tiếp theo.

#### **Giáo trình/Tài liệu tham khảo chính**

+ (Gregory Mankiw, 2012, Principles of Economics, McGraw – Hill Publisher).

+ Trần Nguyễn Ngọc Anh Thư và các đồng nghiệp, 2013, Kinh tế vi mô, NXB Tài chính.

### **11.13. Kinh tế vĩ mô 1**

**3 TC**

**Học phần học trước:** Kinh tế vi mô 1.

**Tóm tắt nội dung học phần:** Học phần này nhằm giới thiệu những chỉ tiêu cơ bản để đo lường tổng thể nền kinh tế, như: tổng sản phẩm nội địa, tổng thu nhập quốc gia, lạm phát, thất nghiệp, lãi suất thị trường, cán cân thanh toán, cán cân ngân sách, tỉ giá hối đoái, . . . và nghiên cứu chúng trong mối quan hệ tác động qua lại lẫn nhau. Từ đó, giới thiệu các chính sách mà chính phủ các quốc gia sử dụng để điều tiết nền kinh tế, như: chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ, chính sách ngoại thương, chính sách tỉ giá hối đoái, . . .

#### **Giáo trình/Tài liệu tham khảo chính**

+ (Gregory Mankiw, 2012, Principles of Economics, McGraw – Hill Publisher.)

+ Trần Nguyễn Ngọc Anh Thư và các đồng nghiệp, 2013, Kinh tế Vĩ mô, NXB Tài chính.

### **11.14. Giao tiếp trong kinh doanh**

**3TC**

– Điều kiện tiên quyết: không

– Mô tả học phần:

– Học phần cung cấp những kiến thức căn bản về vai trò, bản chất, nội dung và hình thức của giao tiếp trong kinh doanh. Cũng ở học phần này sẽ trang bị cho sinh viên những kỹ thuật và phương pháp giao tiếp bằng: lời nói, văn bản, điện thoại, điện tín, internet, ngôn ngữ không lời, hệ thống truyền thông, mô hình truyền thông có hiệu quả trong kinh doanh.

### **11.15. Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh:**

**3TC**

– Điều kiện tiên quyết: Toán cao cấp

– Mô tả học phần:

– Học phần này trình bày những vấn đề cơ bản về nghiên cứu khoa học ứng dụng trong kinh doanh; cơ sở hình thành và lựa chọn đề tài nghiên cứu; Những phương pháp cơ bản trong nghiên cứu ứng dụng trong kinh doanh; quy trình nghiên cứu kinh doanh.

### **11.16. Quản trị học**

**3TC**

- Điều kiện tiên quyết: không
- Mô tả học phần:
  - Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về quản trị và cách vận dụng thực tiễn ở doanh nghiệp như: Khái niệm và bản chất của quản trị, nhà quản trị, môi trường quản trị, các lý thuyết cổ điển và hiện đại về quản trị; quá trình ra quyết định, hệ thống thông tin trong quản trị, các chức năng về quản trị: Hoạch định, tổ chức, lãnh đạo/điều hành, kiểm tra/ kiểm soát. Học phần cũng cung cấp những kiến thức thiết yếu khác như: quản trị sự đổi mới, quản trị xung đột, quản trị rủi ro và cơ hội của một doanh nghiệp.

### **11.17. Nguyên lý Marketing**

**3TC**

- Điều kiện tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Kinh tế vi mô
  - Học phần cung cấp những hiểu biết và kiến thức căn bản về Marketing và sự vận dụng chúng vào trong hoạt động của doanh nghiệp như: Hệ thống thông tin và nghiên cứu Marketing, môi trường Marketing, thị trường và hành vi người tiêu dùng, phân khúc và lựa chọn thị trường mục tiêu, chiến lược và chính sách về sản phẩm, giá cả, phân phối và chiêu thị.

### **11.18. Nguyên lý kế toán**

**3TC**

- Các học phần học trước: Kinh tế vi mô
  - Nội dung tóm tắt học phần: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về lý thuyết kế toán. Các khái niệm, bản chất, đối tượng, mục đích, chức năng nhiệm vụ và yêu cầu của kế toán; các phương pháp kế toán; quá trình thu thập; ghi chép số liệu kế toán, trình tự kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu; các hình thức kế toán; nội dung và các hình thức tổ chức công tác kế toán.
  - Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản nhất về kế toán, nắm khái quát được Chế độ kế toán Việt Nam, làm cơ sở cho việc học tập, nghiên cứu các vấn đề cụ thể của kế toán trong các loại hình doanh nghiệp. Sử dụng được các phương pháp kế toán để thực hành ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng các định khoản, vào tài khoản chữ T, lập bảng cân đối tài khoản, và một số báo cáo tài chính cơ bản. Vận dụng được những kiến thức đã được học bổ trợ cho các môn học chuyên ngành và ứng dụng có hiệu quả vào hoạt động thực tiễn sau này.

### **11.19. Thống kê ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh**

**3TC**

– Điều kiện tiên quyết: Lý thuyết xác suất và thống kê toán, Kinh tế vi mô I, Kinh tế vĩ mô I.

– Mô tả học phần: Học phần cung cấp một cách có hệ thống các phương pháp điều tra thống kê bao gồm việc thu thập thông tin ban đầu về các hiện tượng kinh tế xã hội và việc xử lý các thông tin đã thu thập. Trang bị các phương pháp phân tích kinh tế xã hội làm cơ sở cho dự đoán các mức độ của hiện tượng trong tương lai nhằm giúp cho việc ra quyết định ở tầm vi mô và vĩ mô.

#### **11.20. Tiền tệ, Ngân hàng và thị trường tài chính 1**

**3 TC**

– Trang bị kiến thức nền liên quan đến tài chính, ngân hàng, thị trường tài chính qua đó sinh viên có cái nhìn tổng quan về thị trường kinh tế vĩ mô, mối quan hệ giữa các chủ thể trong nền kinh tế và sự tác động...

#### **11.21. Hành vi người tiêu dùng**

**3 TC**

– Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý marketing.

– Học phần này đi sâu phân tích hành vi người tiêu dùng như đặc điểm hành vi người tiêu dùng, các mô hình hành vi tiêu dùng (khách hàng là doanh nghiệp, khách hàng là tổ chức, khách hàng là người tiêu dùng cá nhân), các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tiêu dùng, quá trình quyết định mua hàng của các đối tượng khách hàng và ứng dụng trong hoạt động Marketing.

#### **11.22. Đạo đức kinh doanh**

**3 TC**

– Điều kiện tiên quyết: Quản trị học, pháp luật đại cương

– Mô tả môn học: Môn học này tập trung nghiên cứu và bàn luận về trách nhiệm đạo đức của các nhà quản lý và các cơ quan công quyền, doanh nghiệp (DN) trong hoạt động kinh doanh của mình. Môn học sẽ cung cấp cho sinh viên các kiến thức liên quan đến trách nhiệm và đạo đức của các doanh nghiệp trong hoạt động kinh doanh của mình cũng như giúp người học khám phá những vấn đề thực tiễn trong hoạt động kinh doanh liên quan đến những xung đột phức tạp và tình thế lưỡng nan trong hoạt động kinh doanh.

– Người học môn học này sẽ tiếp cận được các phạm trù đạo đức trong môi trường cạnh tranh của thời hội nhập cũng như cách thức mà doanh nghiệp đối phó với các ràng buộc mang tính đạo đức nhằm hướng đến sự cân bằng giữa lợi ích kinh doanh và trách nhiệm xã hội.

#### **11.23. Lý thuyết xác suất và thống kê toán**

**3TC**

– Điều kiện tiên quyết: Toán cao cấp, Tin học đại cương.

– Mô tả môn học: Phân lý thuyết xác suất giới thiệu tính quy luật của hiện tượng ngẫu nhiên và cách tính xác suất của biến cố ngẫu nhiên cùng các đặc trưng của biến

ngẫu nhiên. Phần thống kê toán bao gồm các nội dung: Mẫu ngẫu nhiên, Ước lượng tham số của mẫu, kiểm định giả thuyết thống kê và ứng dụng trong nghiên cứu các vấn đề thực tế nói chung và các vấn đề kinh tế nói riêng.

#### **11.24. Luật kinh tế**

**3 TC**

Học phần Luật kinh tế là học phần nền tảng, trang bị các kiến thức pháp lý cơ bản liên quan đến chủ thể kinh doanh (cá nhân, tổ chức kinh doanh) để sinh viên tiếp cận với các môn học chuyên ngành liên quan đến pháp luật như Luật các tổ chức tín dụng; Luật chứng khoán; Luật kế toán; Luật thuế; Luật kinh doanh bất động sản; Luật thương mại quốc tế; Luật du lịch...

#### **11.25. Quản trị nguồn nhân lực**

**3TC**

Môn học giới thiệu các chức năng quản trị nhân sự nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức cần thiết để quản lý con người trong doanh nghiệp hiệu quả, bao gồm bốn lĩnh vực chủ yếu: hoạch định nguồn nhân lực, thu hút và tuyển chọn, đào tạo và phát triển, và duy trì – quản lý. Bên cạnh đó, sinh viên được trao dồi các kỹ năng quản lý như phân tích công việc, đánh giá kết quả làm việc, phỏng vấn ứng viên... Hoàn tất môn học, sinh viên sẽ có đủ khả năng dự đoán và giải quyết các vấn đề liên quan đến sử dụng lao động trong một tổ chức.

#### **Giáo trình/Tài liệu tham khảo chính**

+ Traàn Kim Dung, 2009, *Quaùn Trò Nhaân Söi*, Nhaø xuaát baùn Thoáng Keâ, TP.HCM.

+ William B. Werther vàø Keith Davis, 2000, *Human Resources and Personnel Management*, 5<sup>th</sup> Edt, McGraw-Hill, Inc, New York.

#### **11.26. Quản lý tài chính cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp**

**3TC**

Học phần này dành cho sinh viên chuyên ngành Tài chính công với nội dung nghiên cứu gồm: cơ cấu các loại cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp, cơ chế cung ứng dịch vụ công, cơ chế quản lý tài chính, phương pháp lập dự toán tài chính, xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, các quy định về quản lý, sử dụng tài sản ở cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp.

#### **11.27. Kinh tế vi mô ứng dụng trong quản lý kinh tế**

**3 TC**

**Học phần học trước:** Kinh tế vi mô 1

**Nội dung tóm tắt học phần:** Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức nâng cao về kinh tế học vi mô dùng để phân tích tác động đối với phúc lợi xã hội khi có những chính sách của chính phủ (như: thuế, trợ giá, hạn ngạch, . . .) tác động đối với thị trường. Học phần này còn ứng dụng lý thuyết kinh tế học trong bảo hiểm, kế toán. Học phần này cũng đi sâu phân tích những thất bại của thị trường như: bất cân xứng thông tin, ngoại tác, hàng hóa công, chiến lược định giá khi có sức mạnh thị trường của các doanh

nghiệp. Từ đó, giúp người học có khả năng hiểu và phân tích tác động của các chính sách đối với từng thị trường, đề ra quyết sách.

**Giáo trình/Tài liệu tham khảo chính**

+ Pyndick, Kinh tế vi mô, NXB Tổng Hợp

+ (Pyndick, 2005, Advanced Microeconomics, McGraw – Hill Publisher).

**11.28. Kinh tế vĩ mô ứng dụng trong quản lý kinh tế**

**3 TC**

**Học phần học trước:** Kinh tế vĩ mô 1

**Nội dung tóm tắt học phần:** Học phần này nhằm giúp học viên ứng dụng các lý thuyết kinh tế vĩ mô vào thực tế để hiểu và phân tích thực trạng của các nền kinh tế; đồng thời, học phần cũng sẽ giới thiệu các mô hình kinh tế được sử dụng để phân tích hiệu quả của các chính sách kinh tế vĩ mô trong thực tế. Từ đó, giúp học viên có khả năng hiểu, phân tích và dự báo được tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô trong thực tiễn, nhằm giúp cho nhà quản lý có cơ sở khoa học để ra quyết định.

**Giáo trình/Tài liệu tham khảo chính**

(+ G. Mankiw, 2008, Macroeconomics, McGraw – Hill Publisher.

+ Paul Krugman, 2003, Macroeconomics, McGraw – Hill Publisher)

**11.29. Kinh tế phát triển**

**3 TC**

**Học phần học trước:** Kinh tế vĩ mô 1

**Nội dung tóm tắt học phần:** Học phần này giới thiệu cho sinh viên các lý thuyết khác nhau về tăng trưởng kinh tế, đặc biệt là nguyên lý kinh tế để phát triển trong điều kiện các nước đang phát triển. Từ đó, giúp sinh viên có thể hiểu về mô hình tăng trưởng và phát triển kinh tế rất khác nhau ở các nền kinh tế, hay các quốc gia, hay các giải pháp xóa nghèo, để có thể ứng dụng, lựa chọn mô hình tăng trưởng kinh tế phù hợp với địa phương mình.

**Giáo trình/Tài liệu tham khảo chính**

Nguyễn Trọng Hoài, 2010, trường Đại học Kinh tế TP.HCM, Kinh tế phát triển, NXB Lao động.

Micheal P. Todaro and Stephen C. Smith, 2014, Economic Development.

**11.30. Kinh tế công**

**3 TC**

**Học phần học trước:** Kinh tế vi mô 1

**Nội dung tóm tắt học phần:** Học phần này giới thiệu cách tiếp cận mọi vấn đề trong quản lý kinh tế dưới góc độ phân tích những chính sách quản lý kinh tế công sẽ ảnh hưởng như thế nào đến phúc lợi xã hội.



### **Giáo trình/Tài liệu tham khảo chính**

Alan Auerbach, Raj Chetty, Martin Feldstein and Emmanuel Saez, 2013, Handbook of Public Economic.

#### **11.34. Kinh tế quốc tế**

**3 TC**

**Học phần học trước:** Kinh tế vĩ mô 1

**Nội dung tóm tắt học phần:** Học phần này giới thiệu hệ thống các lý thuyết về thương mại quốc tế, các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh tế quốc tế như thị trường ngoại hối, cán cân thanh toán, các định chế tài chính quốc tế, các hình thức liên kết quốc tế. Học phần cũng ứng dụng các lý thuyết kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô để phân tích tác động của các chính sách thương mại quốc tế. Từ đó, người học có thể hiểu được những hiện tượng trong đời sống kinh tế thực, hiểu được tác động của xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế có thể ảnh hưởng như thế nào đối với từng doanh nghiệp, từng tổ chức, từng địa phương, từng quốc gia trong quá trình ra quyết định và thực thi.

### **Giáo trình/Tài liệu tham khảo chính**

+ (Paul Krugman, 2005, International Economics, Mcgraw – Hill Publisher).

#### **11.35. Kế toán hành chính sự nghiệp**

**3TC**

Bên cạnh việc tìm hiểu công tác kế toán tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, người học sẽ được trang bị thêm kiến thức về công tác kế toán tại các đơn vị hành chính nhà nước, các đơn vị sự nghiệp, các tổ chức chính trị, xã hội có sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước và không sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước; giúp người học so sánh được công việc kế toán tại cơ quan hành chính sự nghiệp và kế toán tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, từ đó vận dụng tốt công việc kế toán trong mọi lĩnh vực kinh tế, đời sống xã hội.

### **Giáo trình/Tài liệu tham khảo chính**

- Tài liệu “Kế toán hành chính sự nghiệp” lưu hành nội bộ của Khoa Kế toán – Kiểm toán.
- ThS.GVC Phan Thị Thúy Ngọc, Kế toán đơn vị hành chính sự nghiệp, NXB Lao động, năm 2012.
- Public Sector Accounting Sixth Edition, Rowan Jones, Maurice Pendlebury(2010), Pearson Education Limited.

#### **11.36. Quản lý nhà nước về kinh tế**

**3TC**

**Học phần học trước:** Quản trị học

**Nội dung tóm tắt học phần:** Học phần cung cấp cho học viên lý thuyết và công cụ để quản lý kinh tế ở địa phương, hay quốc gia. Học phần sẽ giúp học viên nắm được vấn

đề chung về quản lý nhà nước về kinh tế, hiểu được những đặc trưng cơ bản; cơ chế, chức năng và nguyên tắc, phương pháp và công cụ về quản lý nhà nước về kinh tế để đảm bảo các nguồn lực của nền kinh tế phân bổ hợp lý và sự vận hành thông suốt của nền kinh tế giúp nâng cao năng lực cạnh tranh của địa phương, của quốc gia trong xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế.

#### **Giáo trình/Tài liệu tham khảo chính**

Phan Huy Đường, 2015, Giáo trình Quản lý nhà nước về kinh tế, Nhà xuất bản đại học quốc gia Hà Nội

### **11.37. Đàm phán trong quản lý kinh tế 3TC**

#### **Học phần học trước: Quản trị học**

Môn học này cung cấp những phương pháp và kỹ năng đàm phán trong quản lý kinh tế phục vụ cho công việc trong môi trường quản lý như giao tiếp, tổ chức hội họp, thiết lập văn bản, thương lượng, thuyết trình, đàm phán với các tổ chức cung cấp dịch vụ công, các tổ chức phi chính phủ, các cơ quan quản lý nhà nước và với người dân nhằm mục đích cung cấp hiệu quả nhất dịch vụ công cho xã hội.

### **11.38. Quản lý tổ chức kinh tế 3TC**

#### **Học phần học trước: Quản trị học**

**Nội dung tóm tắt học phần:** Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản lý tổ chức kinh tế như ra quyết định quản lý; tổ chức, quản lý nhân sự, tài chính và điều hành các hoạt động của 1 tổ chức kinh tế trên cơ sở sử dụng những nguyên tắc dựa vào nghiên cứu khoa học, chiến lược và các phương pháp phân tích như mô hình toán để nâng cao năng lực liên quan đến việc ra quyết định quản lý hợp lý và hiệu quả.

#### **Giáo trình/Tài liệu tham khảo chính**

Harold Koontz, Cyril O'Donnell, Heinz Weihrich, Dịch: Vũ Thiều, Nguyễn Mạnh Quân, Nguyễn Đăng Dâu (1992), Những Vấn Đề Cốt Yếu Trong Quản Lý, NXB Khoa Học Kỹ Thuật.

### **11.39. Phân tích và Dự báo kinh tế 3TC**

#### **Học phần học trước: Xác suất và thống kê toán, Kinh tế lượng**

**Nội dung tóm tắt học phần:** Sự phát triển và hội nhập của nền kinh tế Việt Nam đã thúc đẩy các nhà hoạch định kinh tế và quản trị kinh doanh phải quan tâm nhiều hơn đến việc phân tích dữ liệu và dự báo ở nhiều lĩnh vực khác nhau, đặc biệt sự biến động của nhiều chỉ số kinh tế đã thúc đẩy phân tích và dự báo kinh tế trở thành hoạt động quan

trọng trong hầu hết các lĩnh vực kinh tế tài chính, quản trị. Nhu cầu dự báo kinh tế ở Việt Nam đang có xu hướng gia tăng bởi vì phân tích dự báo tốt có thể hỗ trợ đáng kể cho việc hình thành chính sách, kế hoạch, chiến lược cũng như nhiều quyết định hàng ngày của các cơ quan quản lý nhà nước và doanh nghiệp. Chính vì vậy, các nhà quản trị tương lai cần được trang bị một nền tảng kiến thức cơ bản về phương pháp dự báo định lượng, kỹ thuật phân tích thống kê, kỹ năng sử dụng các phần mềm dự báo, phân tích dữ liệu thông dụng SPSS, eviews, stata...

#### **Giáo trình/Tài liệu tham khảo chính**

Hill, R.C., Griffiths, W.E.& Lim,G.C.(2008), Principles of Econometrics, 3 rd edition John Wiley & Sons.

#### **11.40. Kinh tế môi trường và quản lý tài nguyên**

**2 TC**

**Học phần học trước:** Kinh tế vi mô 1

**Nội dung tóm tắt học phần:** Học phần nhằm giới thiệu cho sinh viên một cách toàn diện sự hiểu biết về mối quan hệ giữa môi trường thiên nhiên và tăng trưởng kinh tế, giúp sinh viên có thể phân tích được lợi ích và chi phí khi con người sử dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên. Học phần cũng cung cấp một số các chính sách để quản lý việc sử dụng nguồn tài nguyên một cách hiệu quả trong quá trình tăng trưởng kinh tế. Từ đó, giúp nhà quản lý kinh tế biết cách sử dụng tài nguyên một cách hiệu quả, và có ý thức bảo vệ môi trường thiên nhiên khi ra quyết sách.

#### **Giáo trình/Tài liệu tham khảo chính**

Nguyễn Mậu Dũng, Võ Thị Phương Thụy, 2010, Kinh tế môi trường, Nhà xuất bản Thống kê

(Roger Perman, 2003, Natural resource and Environmental Economics, Prentice Hall Publisher).

#### **11.41. Tài chính công 1**

**3TC**

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức sâu hơn về vai trò của chính phủ trong việc đảm bảo cho xã hội công bằng và ổn định, cũng như mối quan hệ giữa các cấp ngân sách trong hệ thống ngân sách nhà nước (NSNN). Ngoài ra, học phần cũng trang bị cho sinh viên những kiến thức về vai trò, đặc điểm của các định chế tài chính công ngoài ngân sách.

#### **11.42. Tài chính quốc tế**

**3TC**

Môn học này trang bị cho sinh viên kiến thức nền của ngành Tài chính – Ngân hàng, cụ thể là các kiến thức về nền tài chính toàn cầu, giúp cho sinh viên có kiến thức và kỹ năng làm việc trong môi trường các công ty đa quốc gia. Nội dung môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng có liên quan mật thiết, thống nhất và bổ trợ cho các môn học khác.

### 11.43. Marketing địa phương

3TC

Sự thịnh vượng của một địa phương, hay ở quy mô rộng hơn là quốc gia, phụ thuộc vào nhiều yếu tố. Các yếu tố này có thể là năng suất, vốn đầu tư và các nguồn lực vật chất của địa phương đó; và được gọi chung là nguồn lực phát triển kinh tế. Môn học “Marketing địa phương và phát triển vùng” nghiên cứu cách thức các địa phương thu hút các nguồn lực để phát triển kinh tế. Từ đó, góp phần vào mục tiêu thúc đẩy sự thịnh vượng và nâng cao mức sống, phúc lợi xã hội cho cư dân địa phương mình.

### 11.44. Quản lý chiến lược địa phương

3TC

**Học phần học trước:** Quản trị học, Quản trị nhân lực, Quản lý tài chính công

**Nội dung tóm tắt học phần:** Phát triển kinh tế là một vấn đề thách thức cho tất cả tham gia vào chính quyền địa phương một số năng lực; các địa phương nhỏ có thể đấu tranh để đạt sự tăng trưởng kinh tế của họ, trong khi khu vực đô thị lớn đang phải đối mặt với sự tăng trưởng nóng và cần phải điều tiết chặt chẽ hơn phát triển vì lợi ích của cộng đồng. Học phần này xem xét bối cảnh, lý thuyết, và các công cụ cần thiết cho một sự hiểu biết về phát triển địa phương trong thời đại thay đổi xu hướng lao động và toàn cầu hóa. Sinh viên sẽ hiểu được lý thuyết kinh tế chính đằng sau sự phát triển của địa phương và đạt được một ý thức lớn hơn về cách chính quyền địa phương có thể thúc đẩy sự đổi mới trong quá trình phát triển của địa phương. Ở học phần này, sinh viên sẽ học cách áp dụng một loạt các công cụ phát triển các kịch bản kinh tế khác nhau, bao gồm cả chính sách thuế, chính sách tài chính và phi tài chính, và ưu đãi để xác định và xây dựng chiến lược địa phương, hiểu những ảnh hưởng của toàn cầu hóa, và đánh giá văn hóa và tiếp nhận của cộng đồng để phát triển kinh tế.

**Giáo trình/Tài liệu tham khảo chính**

(Steven Koven, 2010, Strategies for State and Local, Mcgraw – Hill Publisher).

### 11.45. Thẩm định và quản lý dự án công

3TC

**Học phần học trước:** Quản lý tài chính công

**Nội dung tóm tắt học phần:** Môn học này giới thiệu những kiến thức cơ bản về những nguyên tắc và kỹ thuật phân tích, đánh giá hiệu quả của dự án đầu tư công trên các khía cạnh tài chính, kinh tế, xã hội giúp tổ chức đưa ra quyết định lựa chọn phương án đầu tư hiệu quả và giảm thiểu rủi ro khi đưa ra quyết định đầu tư. Ngoài ra, môn học này cũng trang bị cho sinh viên các tiêu chuẩn để đánh giá dự án và các quy tắc lựa chọn dự án đầu tư tối ưu, đồng thời để phân tích hiệu quả đầy đủ của một dự án đầu tư công, phân tích tính khả thi dự án, phân tích rủi ro dự án cũng là những nội dung quan trọng mà môn học này đề cập.

### **Giáo trình/Tài liệu tham khảo chính**

Glenn P. Jenkins và Arnold C. Harbeger, Hướng dẫn phân tích chi phí và lợi ích cho các quyết định đầu tư, chương trình giảng dạy kinh tế Fulbright.

#### **11.46. Quản lý đô thị**

**2TC**

**Học phần học trước:** Kinh tế vi mô, quản trị học

**Nội dung tóm tắt học phần:** Học phần cung cấp cho học viên kiến thức về quá trình phát triển đô thị, quá trình đô thị hóa và các vấn đề liên quan như kết cấu hạ tầng, giao thông, đất đai, nhà ở, cơ cấu ngành kinh tế, môi trường sinh thái... Ngoài ra, học phần giới thiệu các mô hình quản lý đô thị, các lĩnh vực quản lý chủ yếu của đô thị, sự cần thiết phải đổi mới quản lý đô thị ở nước ta... Có thể nói, quản lý đô thị là lĩnh vực rất mới, vì vậy những kiến thức cơ bản mà học phần này giới thiệu cho người học có ý nghĩa thực tiễn hết sức quan trọng nhằm giúp nâng cao hiệu quả quản lý đô thị, đặc biệt là đối với một quốc gia có tốc độ đô thị hóa nhanh như Việt Nam.

### **Giáo trình/Tài liệu tham khảo chính**

(Phạm Ngọc Côn, 2013, Nhà xuất bản Khoa học Kỹ thuật)

(Wolfgang Kasper, 2012, Urban Economics, Edward Elgar Publisher)

#### **11.47. Quản lý tài sản công**

**2TC**

**Học phần học trước:** Quản trị tài chính, Kế toán hành chính sự nghiệp

**Nội dung tóm tắt học phần:** Học phần cung cấp cho học viên kiến thức về tài sản công, và quy trình quản lý tài sản công, từ xây dựng, bảo vệ, bảo trì, sửa chữa, sao cho tài sản công được sử dụng hiệu quả trong quá trình phát triển và hội nhập kinh tế quốc tế của địa phương, của quốc gia. Đây cũng là sự đóng góp thiết thực cho việc tiết kiệm chi tiêu công. Học phần cũng sẽ bàn về vấn đề ngân sách, kiểm soát và kiểm toán đối với tài sản công.

### **Giáo trình/Tài liệu tham khảo chính**

(Hudson & Half Raas, 2012, Public Infrastructure Assets Management, 2<sup>th</sup> Edition, Mcgraw – Hill Professional Publisher.)

#### **11.48. Quản lý hành chính văn phòng**

**3TC**

Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức chung trong lĩnh vực quản lý hành chính một văn phòng của doanh nghiệp. Học phần sẽ cung cấp các kiến thức cơ bản cách thức tổ chức và điều hành một văn phòng doanh nghiệp. Ngoài các ra còn đề cập và trang bị một số kiến thức về các nghiệp vụ cơ bản của công tác hành chính văn phòng như, tổ chức sắp xếp nơi làm việc, hội họp, lưu trữ, soạn thảo văn bản.

#### **11.49. Soạn thảo văn bản hành chính**

**3TC**

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về hệ thống văn bản hành chính Việt Nam, đồng thời rèn luyện kỹ năng soạn thảo một số văn bản hành chính thông dụng.

### **11.50. Thương mại và công nghiệp hóa**

**3 TC**

**Học phần học trước:** Kinh tế vĩ mô 1

**Nội dung tóm tắt học phần:** Học phần này giúp người học tìm hiểu các lý thuyết nền tảng trong việc xây dựng chính sách thương mại và công nghiệp hóa. Đồng thời, cung cấp thực tiễn kinh nghiệm xây dựng chính sách và phát triển thương mại, công nghiệp ở một số quốc gia, hay khu vực kinh tế. Từ đó, cung cấp cho người học kiến thức về mối quan hệ giữa chính sách thương mại và quá trình công nghiệp hóa ở các quốc gia mà đơn vị mình, hoặc địa phương mình có liên quan, để ra quyết sách đúng, kịp thời trong quản lý kinh tế.

**Giáo trình/Tài liệu tham khảo chính**

Helen Hughes, 2006, Đạt được công nghiệp hóa

### **11.51. Kinh doanh quốc tế**

**3TC**

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh và hoạt động kinh doanh quốc tế. Bên cạnh những lý thuyết kinh doanh quốc tế cơ bản, sinh viên sẽ tìm hiểu về vấn đề kinh doanh toàn cầu, các nhân tố ảnh hưởng đến môi trường kinh doanh quốc tế; ảnh hưởng của thị trường tài chính, và các tổ chức liên kết kinh tế đến hoạt động kinh doanh quốc tế ngày nay.

### **11.52. Đầu tư tài chính**

**3TC**

Trang bị những kiến thức về lý thuyết danh mục đầu tư, mô hình định giá tài sản vốn (CAPM), mô hình đa nhân tố và lý thuyết kinh doanh chênh lệch giá, môn học còn giúp người học biết định giá, phân tích cổ phiếu, trái phiếu, chứng khoán phái sinh, biết xác định mức sinh lời, rủi ro trong đầu tư, các bước xây dựng danh mục đầu tư và đánh giá, quản lý danh mục đầu tư.

### **11.53. Phân tích tài chính**

**3TC**

Trang bị cho sinh viên những phương pháp phân tích, cung cấp những nội dung cần phân tích, cũng như dự báo tài chính doanh nghiệp làm cơ sở ra quyết định phù hợp với mục tiêu của người phân tích.

### **11.54. Kinh tế khu vực công**

**2TC**

Trang bị cho sinh viên những vấn đề về khu vực công và hoạt động kinh tế của khu vực công; vai trò của chính phủ đối với khu vực công trong nền kinh tế thị trường; phân bổ nguồn lực cho phát triển trong nền kinh tế thị trường; vai trò của khu vực công trong bảo đảm công bằng xã hội; chi tiêu công; lựa chọn công.

**11.55. Phân tích lợi ích chi phí.****2TC**

Trang bị cho người học các phương pháp và công cụ phân tích lợi ích chi phí để xác định lợi ích và chi phí của một chương trình, chính sách hoặc dự án để đánh giá dự án, chương trình, chính sách làm tăng hay giảm phúc lợi kinh tế của xã hội

**11.56. Quản lý tài chính công.****3TC**

Trang bị cho sinh viên những kiến thức về quản lý tài chính công như mục tiêu quản lý tài chính công, nội dung, công cụ quản lý tài chính công; phân cấp quản lý tài chính công; quản lý ngân sách nhà nước; tổ chức cân đối ngân sách; quản lý các quỹ ngoài ngân sách; đánh giá quản lý tài chính công.

**11.57. Chính sách công****3TC**

Trang bị những kiến thức về chính sách công như quá trình phát triển của khoa học chính sách; đặc điểm, vai trò, phân loại chính sách công; nguyên tắc, phương pháp, công cụ hoạch định chính sách công; cấu trúc nội dung và chu trình chính sách công; phân cấp quản lý chính sách công; tổ chức công tác phân tích, đánh giá chính sách công; vận dụng những kiến thức vào thực tiễn để đánh giá chính sách công.

**12. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ HỌC TẬP**

Các cơ sở vật chất của Trường Đại học Tài chính-Marketing phục vụ cho đào tạo gồm 4 cơ sở:

- Cơ sở 1: Số 306 Nguyễn Trọng Tuyển, Phường 1, Quận Tân Bình, TP.HCM;
- Cơ sở 2: Số 2C Phở Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, TP.HCM;
- Cơ sở 3: Số 458/3F Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Hưng, Quận 7, TP.HCM;
- Cơ sở 4: Số 2/4 Trần Xuân Soạn, Quận 7, TP.HCM.

**Cơ sở vật chất của Trường**

<i>Nội dung</i>	<i>Đơn vị tính</i>	<i>Số lượng</i>
<b>1. Diện tích đất trường quản lý, sử dụng</b>	ha	2,66298
- Diện tích đất trường có quyền sử dụng đất	ha	0,98378
- Diện tích đất nhà trường thuê/mượn	ha	1,6792
<b>2. Số cơ sở đào tạo</b>	cơ sở	04
<b>3. Diện tích xây dựng cơ sở đào tạo</b>	m <sup>2</sup>	3.506
3.1. Phòng làm việc cán bộ quản lý, giảng viên	m <sup>2</sup>	740

<i>Nội dung</i>	<i>Đơn vị tính</i>	<i>Số lượng</i>
- Số phòng	phòng	24
- Diện tích sử dụng	m <sup>2</sup>	740
- Diện tích bình quân/sinh viên	m <sup>2</sup> /người	
3.2. Giảng đường/phòng học	m <sup>2</sup>	10.227
- Số phòng	phòng	119
- Diện tích sử dụng	m <sup>2</sup>	10.227
3.3. Hội trường	m <sup>2</sup>	1.390
- Số phòng	phòng	03
- Diện tích sử dụng	m <sup>2</sup>	1.390
3.4. Phòng máy tính		
- Diện tích sử dụng	m <sup>2</sup>	846
- Số máy tính sử dụng được	máy tính	660
- Số máy tính nối mạng ADSL	máy tính	660
3.5. Thư viện		
- Số phòng	Phòng	6
- Diện tích sử dụng	m <sup>2</sup>	459
3.7. Ký túc xá		
- Số phòng	phòng	17
- Diện tích sử dụng	m <sup>2</sup>	1.068
3.8. Nhà thi đấu đa năng, sân bãi thể dục, thể thao	m <sup>2</sup>	3.200

*Nguồn: Phòng Quản trị thiết bị*

### **12.1. Các môn học lý thuyết**

Sinh viên học lý thuyết, thảo luận nhóm tại cơ sở:

- Cơ sở 2: Số 2C Phở Quang, P.2, Tân Bình, TP.HCM.
- Cơ sở 4: Số 2/4 Trần Xuân Soạn, Quận 7, TP.HCM.

### **12.2. Thực hành các môn tin học**

Tại phòng máy đã được nối mạng.

### **12.3. Thư viện, sách và tài liệu tham khảo**

- Cơ sở 4: Số 2/4 Trần Xuân Soạn, Quận 7, TP.HCM.

*TP. HCM, ngày 28 tháng 08 năm 2017*

**BAN GIÁM HIỆU DUYỆT**

**TRƯỞNG KHOA**



